TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 59/2023/HNGĐ- ST Ngày: 30/5/2023 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thái Dìn

2. Bà Trần Thị Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C**: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 2 năm 2023, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa;

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm: 1990

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, Thị trấn P, huyện C, Thanh Hóa

Nơi ở hiện tại: SN25i/11 Tổ 11, Ấp B, xã H, Thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn C lấy nhau nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 30/12/2014; Phạm Minh N, sinh ngày 21/5/2018. Nay các cháu đang ở với chị, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Phạm Văn C: Bản tự khai ngày 21/3/2023 tại Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Bình Dương. Anh Phạm Văn C trình bày: Anh và Bùi Thị B lấy nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị B đề nghị ly hôn anh C đồng ý

- Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 30/12/2014; Phạm Minh N, sinh ngày 21/5/2018. Anh nhất trí giao cả hai con cho chị B nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227 và điều 273 Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 57; điều 81; điều 82; điều 83; điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Bích được ly hôn anh C. Đề nghị giao cháu Gia H và cháu Minh N cho chị B nuôi dưỡng và buộc chị B phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn C có hộ khẩu thường trú tại: TDP Tân An, Thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện anh C đang cư trú tại: SN 25i/11 Tổ 11, Ấp B, xã H, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ cho Tòa án nhân dân thành phố T đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét

xử xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về Hôn nhân: Chị B và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, chị B và anh C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Chị B đề nghị giải quyết ly hôn anh C đồng ý. Chính quyền địa phương cũng xác định anh Phạm Văn C có hộ khẩu thường trú tại: TDP T, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang đi làm ăn xa. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh C đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Phạm Văn C.

Về con chung: Công nhận cháu Phạm Gia H, sinh ngày 30/12/2014; Phạm Minh N, sinh ngày 21/5/2018 là con chung của chị B và anh C. Anh C đồng ý giao 2 con cho chị B nuôi dưỡng. Lâu nay hai con đều đang ở với chị B ổn định. Cháu Gia H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, nên giao cả hai con cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị B không yêu cầu anh Cường cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 96; khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị B. Xử cho chị B được ly hôn anh Phạm Văn C.

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 30/12/2014; Phạm Minh N, sinh ngày 21/5/2018 cho chị B cho nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/00450, ngày 23/02/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND Thị trấn P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung